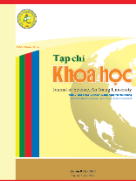




Tạp chí Khoa học Trường Đại học An Giang

ISSN 0866 - 8086



VAI TRÒ HỆ SINH THÁI RỪNG NGẬP MẶN HÌNH THÀNH GIÁ TRỊ VĂN HÓA VEN BIỂN VIỆT NAM

Nguyễn Văn Dũng¹

¹ThS. Trường Đại học Quảng Nam

Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 25/04/15

Ngày nhận kết quả bình duyệt:
19/06/15

Ngày chấp nhận đăng: 12/15

Title:

The role mangrove ecosystems
in forming the cultural values of
viet nam coastal areas

Từ khóa:

Rừng ngập mặn, giá trị văn
hóa, dân cư vùng ven biển

Keywords:

Mangroves, cultural values,
populated coastal areas

ABSTRACT

Vietnam is a country with an area of mangrove forests (mangroves) and coastal wetlands, ranking 17th out of a total of 23 countries in the world with an mangrove forests area greater than 200.000 ha (Nguyen Ngoc Binh,1999). Mangrove ecosystem is one of the ecosystems with high biological diversity, the important role in natural environmental protection of coastal areas, limiting shoreline erosion, salinization... Moreover, mangrove ecosystems create residential livelihoods, form traditional handicraft village and conserve the typical cultural values of coastal residential area. With the economic development and urbanization, many coastal areas have been affected strongly and have changed the coastal area's natural environment, thus, mangrove area severely reduced in 1943 - 408.500 ha, 2006 - 209.741 ha (Phan Hong Ly, 2006). Many coastal rural areas have traditional production and cultural lifestyle closely associated with wetland ecosystems and mangrove forests are lost. In the trend of integration, sea economic development era, conservation of regional cultural values, especially coastal inhabitants culture, will motivate economic development and maintain peace defence and security.

TÓM TẮT

Việt Nam là quốc gia có diện tích rừng ngập mặn (RNM) và đất ngập nước ven biển đứng thứ 17 trong tổng số 23 nước trên thế giới có diện tích rừng ngập mặn lớn hơn 200.000 ha (Nguyễn Ngọc Bình, 1999). Hệ sinh thái RNM là một trong những hệ sinh thái có sự đa dạng sinh học cao, vai trò quan trọng bảo vệ môi trường tự nhiên vùng ven biển, hạn chế xói lở đường bờ, xâm nhập mặn... Không những thế, hệ sinh thái RNM đã tạo ra những sinh kế cho người dân, hình thành các làng nghề truyền thống và lưu giữ nhiều giá trị văn hóa mang đặc trưng vùng dân cư ven biển. Trong xu thế phát triển kinh tế, đô thị hóa, nhiều khu vực ven biển đã và đang bị tác động mạnh mẽ làm biến đổi môi trường tự nhiên ven biển, diện tích RNM suy giảm nghiêm trọng năm 1943: 408.500 ha, năm 2006: 209.741 ha (Phan Hồng Lý, 2006), nhiều vùng nông thôn ven biển có truyền thống sản xuất, lối sống văn hóa gắn chặt với hệ sinh thái đất ngập nước và RNM đang bị mai một. Trong xu thế hội nhập, kỷ nguyên phát triển kinh tế biển, vấn đề lưu giữ, bảo tồn những giá trị văn hóa đặc trưng vùng miền, đặc biệt văn hóa cư dân ven biển tạo động lực phát triển kinh tế và giữ vững an ninh quốc phòng.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong lao động sản xuất của cộng đồng dân cư đã hun đúc thành những giá trị truyền thống văn hóa, phù hợp với đời sống tinh thần vật chất của cư dân, nét đặc trưng văn hóa vùng miền đã phản ánh rõ về môi trường sống, môi trường sản xuất và trình độ dân cư. Việt Nam là quốc gia có sự đa dạng về văn hóa, lưu giữ được những giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể được tổ chức UNESCO công nhận là di sản văn hóa thế giới. Một trong những minh chứng rõ nét nhất cho sự phong phú và đa dạng về đặc trưng văn hóa của các vùng miền, trong một năm trên lãnh thổ Việt Nam có 8902 lễ hội, trong đó 7005 lễ hội dân gian gắn với truyền thống lao động sản xuất của dân cư (Phan Hồng Lý, 2006). Đặc biệt là vùng nông thôn, văn hóa được hình thành trong đời sống lao động, sinh hoạt, thể hiện lối sống mang tính cộng đồng cao, nhiều phong tục tập quán, đã ăn sâu trong tiềm thức của mỗi cư dân.

Vùng ven biển Việt Nam bao gồm 28 tỉnh thành, đa số là nông thôn, sống và lao động gắn với làng mạc, sản xuất nông nghiệp, đặc biệt những xã có tài nguyên biển phong phú, đa số nghề được hình thành gắn với biển. Từ bao đời, biển, nguồn lợi từ biển đã nuôi sống cư dân, trong quá trình lao động sản xuất trên biển thường gặp những hiện tượng thời tiết bất thường, con người không đủ sức kháng cự với thiên nhiên, người dân tin rằng có một lực lượng siêu nhiên che chở. Vì thế, nhiều lễ hội ra đời, mục đích cầu mong mưa thuận gió hòa, có được mùa bội thu, tỏ lòng thành, biết ơn đến vị thần đã che chở cho cư dân hoạt động trên biển, mùa lễ hội là khoảng thời gian người dân được nghỉ ngơi sau những ngày tháng lao động mệt nhọc, tham gia vào các hoạt động “Hội” trong quá trình diễn ra lễ hội.

Rừng ngập mặn (RNM) ven biển Việt Nam từ bao đời che chở, nuôi sống cư dân ven biển, đây cũng là môi trường cho cư dân khai thác tài nguyên và hình thành nhiều nghề đặc trưng như: cào ngao,

nghề đẩy xiệp ven biển, nghề làm đồ thủ công mỹ nghệ: ốc, trai, sản phẩm từ cây dừa... Bên cạnh đó nhiều làng nghề sinh sống từ đan tranh, làm nhà từ sản phẩm dừa nước. Từ những ngành nghề, người dân bao đời nay hình thành trong cộng đồng dân cư những lễ hội liên quan đến nghề và hình thành những nét văn hóa đặc trưng vùng cư dân ven biển. Do quá trình phát triển kinh tế, nhiều vùng đất ven biển, bãi bồi, đất ngập nước và các khu RNM đã chuyển đổi sang các hoạt động công nghiệp, du lịch. Vì thế, một số làng xã ven biển, người dân không còn những khu rừng ngập nước hay môi trường bị biến đổi không có khả năng khai thác giá trị thủy hải sản dưới những tán RNM, dẫn đến người dân đã thay đổi tập quán sản xuất và sự mai một giá trị văn hóa truyền thống các vùng quê bao đời sinh sống dưới cánh RNM.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Trên cơ sở phân tích ảnh viễn thám từ trang <http://earthexplorer.usgs.gov/>, tác giả đã khoanh vùng có RNM trên bản đồ và tiến hành khảo sát thực tế vùng ven biển Nam Bộ (Bạc Liêu, Sóc Trăng, Cà Mau, Kiên Giang) và Hội An (Quảng Nam).

Dựa trên các nguồn tài liệu, một số nhà khoa học đã nghiên cứu về RNM và các vấn đề văn hóa dân cư ven biển. Phân tích, tổng hợp tài liệu, nhằm cung cấp thêm những luận cứ có tính khoa học cho bài báo.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU TRAO ĐỔI

3.1 Đặc điểm hệ sinh thái RNM ven biển Việt Nam

Hệ sinh thái RNM là đặc trưng khu vực ven biển, cửa sông có kiểu khí hậu nhiệt đới và cận nhiệt đới. Điều kiện tự nhiên (nhiệt độ, lượng mưa, thổ nhưỡng, độ mặn của nước) ảnh hưởng rất lớn đến sự sinh trưởng và phát triển thực vật trong RNM. Vùng ven biển Việt Nam có sự phân hóa đặc điểm hình thái cây chịu mặn và diện tích giữa 3 khu vực (Bắc, Trung, Nam) Bảng 1.

Bảng 1. Sự phân bố diện tích đất ngập mặn và RNM các vùng ven biển Việt Nam năm 2010

Vùng	Khu vực	Đất ngập mặn	RNM	Diện tích RNM %
		Diện tích (ha)	Diện tích (ha)	%
Vùng ven biển Bắc Bộ	Từ Móng Cái đến Lạch Trường	122.34	42842	28,2
Vùng ven biển Trung Bộ	Từ Lạch Trường đến Bình Thuận	40000	2279	1,5
Vùng ven biển Nam Bộ	Từ Bình Thuận đến Hà Tiên	440405	106979	70,3
Tổng			152099	100

(<http://xtm.agroviet.gov.vn/Site/vi-vn/76/tapchi/141/145/824/Default.aspx>)

- Vùng Bắc Bộ: bao gồm từ Quảng Ninh đến Thanh Hóa, bao gồm 5 tỉnh (Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định, Thanh Hóa), RNM phân bố chủ yếu nằm ở vùng cửa sông, đặc biệt là hệ thống sông Thái Bình và sông Hồng, hàng năm đổ ra biển lượng phù sa lớn, hình thành những bãi bồi lắng vùng cửa sông và dải ven biển phía Nam cửa sông. Hình thành khu vực đất ngập nước và RNM lớn nhất là Xuân Thủy (Nam Định), Tiên Lãng (Hải Phòng) và vùng ven biển Thanh Hóa.
- Vùng Trung Bộ: được biết đến dải đất ven biển dài nhất Việt Nam, kéo dài từ Nghệ An đến Bình Thuận. Tuy nhiên, diện tích đất ngập nước và RNM chiếm một tỷ lệ nhỏ nhất (Hình 1) so với hai vùng còn lại. Nguyên nhân, dải ven biển Trung Bộ hẹp ngang, có nhiều dải núi sát biển, sông dốc và ngắn, lượng phù sa đổ ra biển không lớn, mặt khác do vùng có động lực biển lớn (sóng lớn, dòng biển chạy song song với bờ biển mạnh), vì thế quá trình tích tụ bãi bồi hạn chế, tuy nhiên vùng có nhiều đầm phá (phá Tam Giang – Cầu Hai (Huế), Thị Nại (Bình Định)). Diện tích đất ngập nước, RNM tập trung ở các cửa sông nơi có địa hình bằng phẳng và phần lớn là xung quanh hệ thống đầm phá.
- Vùng Nam Bộ: là vùng có diện tích đất ngập nước và RNM lớn nhất cả nước. Đây là vùng có địa hình bằng phẳng, thấp, hàng năm được bồi lắng phù sa bởi hệ thống sông Cửu

Long. Hàng năm hệ thống sông Cửu Long đổ ra biển một lượng phù sa lớn. Khu vực có RNM lớn là Cần Giỏi, Cà Mau.

Đặc điểm sinh thái: Hệ sinh thái RNM có môi trường sống đặc biệt, nền đất yếu (bùn, vật chất lơ lửng); hiếm khí; đất nhiễm phèn, mặn; nước mặn, nước lợ và nước ngọt, độ mặn biến đổi theo mùa và biến đổi bất thường; tác động lớn từ động lực biển như: sóng, gió, thủy triều, dòng chảy biển. Vì thế, tồn tại và phát triển được trong môi trường khắc nghiệt đó, cây chịu mặn phải có những đặc tính riêng biệt, từ phát tán cây non, đặc điểm sinh thái cây (rễ, thân, lá) có sự khác biệt với các thực vật khác. Đặc biệt hình thức bài tiết muối của cây chịu mặn, lượng muối dư thừa trong cây đã được bài tiết trên thân cây, trên lá (Phan Nguyên Hồng, 2000).

3.2 Đặc điểm văn hóa dân cư ven biển Việt Nam

Dân cư vùng ven biển Việt Nam được xem là khu vực có văn hóa đặc trưng, dấu ấn văn hóa mang tính biển. Trên các hòn đảo gần bờ, cư dân vùng ven biển, ngư dân thường xây dựng các công trình văn hóa, là nơi mọi người có thể tham gia hoạt động vào các ngày hội. Yếu tố văn hóa được thể hiện ở nhiều hình thức khác nhau, ngay cả trên những con thuyền từ màu sắc đến hình ảnh đôi mắt trước mũi thuyền hay lễ hạ thủy các con tàu. Đặc biệt, vào tháng giêng (âm lịch) sau một năm làm việc vất vả người dân lại hòa chung trong không khí lễ hội. Lễ hội ở Việt Nam thường có hai phần rõ ràng, phần lễ mang tính tâm linh, giúp người dân có thể bày tỏ sự tin tưởng của mình về

một đấng siêu nhiên đã giúp bản thân họ vượt qua được phong ba bão táp và cầu mong cho một mùa tiếp theo gặp nhiều may mắn; phần hội được tổ chức các trò chơi dân gian, hoạt động thể thao, giúp họ có đời sống văn hóa tinh thần lành mạnh, một thời gian nghỉ ngơi thoải mái, phục hồi sức khỏe.

Lễ hội Cầu Ngư: Lễ hội cầu ngư vùng ven biển Việt Nam được tổ chức rộng rãi, mỗi vùng lại có cách thể hiện những nét riêng về văn hóa địa phương. Về không gian lễ hội cầu Ngư là khu vực giáp ranh giữa biển và đất liền; nghi lễ diễn ra ở các đình làng, miếu thờ và trên biển; phần hội là hoạt động thể thao trên biển và các trò chơi dân gian trên đất liền. Về góc độ văn hóa hoạt động, lễ hội được người dân lưu truyền từ nhiều đời, các bài văn tế được người dân đưa vào những nội dung: tạ ơn các bậc tiền nhân đã truyền nghề, tỏ lòng biết ơn đến biển cả đã che chở và nuôi sống người dân bằng nghề biển và cầu mong cho một mùa lao động mới bội thu; phần hội là hoạt động phong phú như: thi thố tài năng nghề biển, trò chơi dân gian với mục đích giúp người dân có một sức khỏe tốt, có đời sống tinh thần thoải mái, nhiều hoạt động mang tính gắn kết cộng đồng, có thể giúp đỡ, tương trợ nhau lúc gặp khó khăn. Lễ hội cầu Ngư khu vực Thừa Thiên Huế, nghi lễ được tiến hành ở các đình làng, sân đình; hoạt động “hội” là tái hiện lại hoạt động đánh bắt trên biển và hoạt động buôn bán của các chủ thuyền cùng người dân mua bán, hoạt động diễn ra sôi nổi. Lễ hội cầu Ngư ở vùng biển Quảng Nam, ngoài hoạt động nghi lễ và tái hiện hoạt động đánh bắt trên biển, đua thuyền... nét đặc trưng ở lễ hội cầu Ngư Quảng Nam là “hát Bá Trạo”, hoạt động văn hóa tinh thần đặc trưng vùng ven biển Quảng Nam – Đà Nẵng.

Lễ hội làng nghề: vùng cư dân ven biển Việt Nam, đa số là sống ở vùng nông thôn, hoạt động kinh tế chủ yếu dựa vào nông nghiệp, một bộ phận người dân làm nghề đi biển, số còn lại chọn cho mình một số nghề phù hợp như đan ngư cụ, phơi sấy hải sản, nước mắm, đóng thuyền, làm ghe bầu, sản xuất các đồ thủ công mỹ nghệ được

khai thác từ các sản phẩm RNM (óc, trai, sò, sản phẩm từ dừa...). Để tỏ lòng biết ơn những người đã truyền nghề cho người dân, các làng xã ven biển thường có các đền “Thánh Thọ”, miếu thờ tổ nghề và tổ chức lễ hội. Như các lễ hội khác, lễ hội làng nghề cũng được cấu trúc hai phần: phần lễ mang tính tâm linh, tỏ lòng thành kính và biết ơn, lễ diễn ra trong không khí trang nghiêm; phần hội là hoạt động sôi nổi, nhằm báo công với bậc truyền nhân, hoạt động thi thố về công việc tạo ra các sản phẩm đẹp, tinh xảo và hoạt động vui chơi giải trí. Tuy nhiên, mỗi vùng, mỗi nghề lại có những cách thể hiện khác nhau.

Những sản phẩm mang tính văn hóa được khai thác từ RNM. Ngư dân quan niệm con tàu là ngôi nhà thứ hai của họ khi đánh bắt trên biển. Từ bao đời nay người dân vùng ven biển Việt Nam đã sử dụng nhiều loài cây ở RNM để làm thuyền, từ những ưu thế về chất liệu gỗ tính chịu nước, và quan niệm sử dụng vật liệu từ một số loài cây trong RNM đưa lại cho họ may mắn. Vùng RNM là môi trường sinh sống của đa dạng loài sinh vật, vì thế người dân đã khai thác thủy sản, tận dụng những vật phẩm dư thừa, bàn tay khéo léo và óc sáng tạo đã chế tác những sản phẩm mỹ nghệ, quà lưu niệm, đồ trang trí có giá trị văn hóa. Hình thành nhiều làng nghề sản xuất đồ thủ công mỹ nghệ có giá trị văn hóa – nghệ thuật cao.

3.3 Vai trò hệ sinh thái RNM trong việc bảo tồn giá trị văn hóa vùng ven biển Việt Nam

- Hệ sinh thái RNM là hình thành nghề đặc trưng vùng cư dân ven biển.

Hệ sinh thái RNM được đánh giá là vùng có sự đa dạng sinh học cao, ở Việt Nam, dưới khu hệ động thực vật RNM (bao gồm sinh vật trên cạn, dưới nước và ngập nước theo mùa). Vì thế, dải đất ngập nước và khu RNM ven biển Việt Nam, dân cư đã hình thành nhiều nghề khai thác lâm thủy sản từ RNM. Vùng bãi triều ven biển, lúc triều xuống, người dân khai thác nhiều loại hải sản như nghêu, sò, ốc, hến... khu vực dưới những tán RNM là nơi trú ẩn nhiều loài như: cua, ghe, trai, ốc... vì thế những lúc triều xuống người dân lại

tập trung khai thác nguồn lợi từ RNM. Một số cư dân lại chọn cho mình nghề khai thác mật ong, vào mùa hoa rừng nở rộ là mùa khai thác mật của người dân; một số người lại chọn cho mình nghề khai thác lâm sản phục vụ nghề đóng ghe bầu, khai thác củi làm chất đốt. Nhìn chung với nguồn lợi từ RNM cư dân xung quanh khu vực đã hình thành nhiều nghề khác nhau. Tuy nhiên, với vai trò của RNM, tài nguyên mang tính cộng đồng và đã hình thành trong tiềm thức của mỗi người về ý thức bảo vệ, khai thác bền vững.

- Giá trị văn hóa từ các sản phẩm làng nghề truyền thống được hình thành từ vùng đất ngập nước ven biển Việt Nam.

- Những khu vực ven biển có bãi bồi và RNM đã sớm hình thành khu dân cư, cây chịu mặn tiên phong lấn biển, che chở cho dân cư vùng biển vào mùa mưa bão. Không những thế RNM còn cung cấp nguyên liệu cho hoạt động nghề đóng ghe bầu, đan thuyền thúng: hầu hết các vùng ven biển Việt Nam nghề làm ghe được hình thành sớm. Trên những sản phẩm thủ công truyền thống, không chỉ đơn thuần phục vụ nhu cầu đi lại, đánh bắt thủy hải sản, mỗi sản phẩm là một tác phẩm nghệ thuật của người nghệ nhân.

Vùng ven biển hoạt động giao thông, buôn bán, đánh bắt thủy hải sản chủ yếu diễn ra trên biển. Vì thế, phương tiện và ngư cụ hữu dụng nhất là ghe, thuyền... người dân vùng ven biển đã sớm hình thành nghề, phục vụ nhu cầu ngư dân và cư dân ven biển, sông nước có phương tiện đi lại. Nguyên liệu chủ yếu khai thác từ RNM, một số loài được nhiều làng nghề sử dụng cây mắm, với đặc điểm thân cây cao đến 20 – 25 m, đường kính cây lên đến 1 m, cây chịu nước.

- Nghề thủ công mỹ nghệ, trên vùng đất ngập nước ven biển một số loài thực vật đã được sử dụng làm đồ thủ công mỹ nghệ có giá trị như: đay, cói là loài ưa với vùng đất phèn chua, ngập nước theo mùa, đặc điểm thân cây mềm, dẻo và dai. Nhiều làng nghề truyền thống đã khai thác làm nguyên liệu cho sản

xuất chiếu cói, đồ gia dụng, thủ công mỹ nghệ. Vùng ven biển phía Bắc, nghề đan chiếu cói và đồ thủ công mỹ nghệ, được biết đến nhiều nhất là chiếu cói, nhiều đồ thủ công mỹ nghệ ở Nga Sơn (Thanh Hóa), từ những năm 1960 sản phẩm của làng nghề xuất khẩu đi nhiều nước, đặc biệt là thị trường Đông Âu. Đến nay, hoạt động du lịch phát triển, nhiều điểm du lịch đón khách trong và ngoài nước đang sử dụng những sản phẩm được làm từ đay, cói làm mặt hàng lưu niệm phục vụ nhu cầu du khách.

- Giá trị sản phẩm từ cây dừa nước: Hội An là cảng thị sầm uất từ thế kỷ XVI - XVII, với những công trình kiến trúc có giá trị văn hóa cao. Bên cạnh những khu du lịch tầm cỡ quốc tế, bên cạnh đô thị cổ, làng dừa nước Cẩm An đã cung cấp những sản phẩm có giá trị bản sắc văn hóa dân cư vùng ven biển, nghề đan tranh, làm nhà từ sản phẩm dừa nước đã nổi tiếng, nhiều khu du lịch kiến trúc hiện đại (khách sạn 4 sao), kết hợp hài hòa những sản phẩm làng nghề dừa nước Cẩm An tạo nên những không gian đảm bảo tính thẩm mỹ, độ bền, hình thành những không gian làng quê, mát mẽ, thân thiện với môi trường.
- Vùng ven biển Việt Nam còn biết đến với các sản phẩm thủ công mỹ nghệ từ trai, ốc... Từ kiểu dáng, màu sắc đa dạng của các loài ốc, sò, trai... nhiều làng nghề dùng làm khảm lên gỗ, sơn mài. Đặc biệt là nhiều nghệ nhân đã khắc lên chính trên vỏ ốc, sò, trai những tác phẩm nghệ thuật, có giá trị mỹ thuật.
- Hệ sinh thái RNM tạo môi trường sinh hoạt văn hóa cộng đồng

Môi trường khai thác không phải tài nguyên riêng tư. Người nông dân Việt Nam từ những năm đổi mới, ruộng đất sở hữu riêng tư. Tuy nhiên vùng ven biển còn những môi trường khai thác chung biển và không gian RNM, người dân ven biển từ bao đời nay đã xác định được vai trò RNM, có giá trị phòng hộ, che chắn thiên tai và cũng là môi trường khai thác thủy hải sản. Một trong những

hoạt động thể hiện tính cộng đồng cao, vào những ngày triều xuống, mùa ốc, sò.. người dân trong làng cùng nhau khai thác, những lúc “được mùa” sau khi kết thúc hay ngay sau những ngày đi biển về họ tổ chức ăn mừng. Hoạt động mang tính cộng đồng của người dân ven biển đã tạo nên sự gắn kết, trợ trợ nhau, đặc biệt khi tham gia đánh bắt trên biển, tạo thành nếp sống văn hóa tốt đẹp.

Một số khu RNM còn lưu giữ những di tích lịch sử cách mạng. Trong các cuộc kháng chiến cứu nước, nhiều khu RNM trở thành địa điểm tập hợp lực lượng, chuẩn bị cho công cuộc giải phóng dân tộc, giải phóng đất nước. Khu vực rừng Sác (Cần Giờ) là yết hầu trên tuyến đường thủy của Sài Gòn, đặc trưng khu RNM, nơi đây đã trở thành căn cứ cách mạng quan trọng, khu vực tập trung lực lượng và hoạt động bí mật của quân và dân trong công cuộc giải phóng đất nước. Trong giai đoạn hiện nay, vấn đề giáo dục truyền thống cách mạng cho thế hệ trẻ, khu vực còn lưu lại những di tích lịch sử cách mạng như rừng Sác là minh chứng hùng hồn cho chủ nghĩa anh hùng và giá trị lịch sử cách mạng là bài học trực quan về tinh thần và ý chí của những anh hùng đất nước “quyết tử cho tổ quốc quyết sinh”.

4. KẾT LUẬN

Hệ sinh thái có vai trò hết sức quan trọng đối với cư dân vùng ven biển, ngoài yếu tố môi trường khai thác nguồn lợi thủy hải sản, khai thác nguyên liệu làm nhà, chất đốt và vai trò như lá chắn xanh bảo vệ cư dân hạn chế thiên tai. Trong xu thế biến đổi khí hậu, Việt Nam được đánh giá là quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề, trồng và bảo vệ hệ sinh thái RNM ven biển là phương án tối ưu hạn chế thiên tai.

Hệ sinh thái RNM ven biển Việt Nam đã tạo nên những bãi bồi và tiên phong lấn biển. Quá trình lấn biển đã hình thành những bãi bồi, mở rộng diện tích đất thổ cư cho các khu ven biển. Đặc biệt, nhiều khu RNM đã tạo sinh kế cho người dân sống xung quanh, hình thành giá trị văn hóa

dân cư ven biển nói chung và xung quanh RNM nói riêng.

Trong thời gian gần đây, hoạt động kinh tế đã tác động không nhỏ đến văn hóa truyền thống cư dân, đặc biệt vùng ven biển Việt Nam. “Kỷ nguyên” biển đã tác động đến mọi người từ cư dân đô thị đến nông thôn, vùng ven biển Việt Nam những làng mạc thuần nông, hình thành nên những trung tâm công nghiệp, cảng biển, khu nghỉ dưỡng... Tuy nhiên, phát triển kinh tế và gìn giữ nét văn hóa truyền thống là hết sức cần thiết, nhằm bảo lưu những giá trị văn hóa đặc trưng vùng miền.

Hệ sinh thái RNM ngoài những giá trị về tự nhiên, bảo vệ môi trường ven biển, còn góp phần bảo vệ, nuôi dưỡng giá trị văn hóa làng quê ven biển trong xu thế công nghiệp hóa hiện đại hóa và đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế trong “Kỷ nguyên” biển.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. (1/2014). *Báo cáo phát triển lâm nghiệp*. Hà Nội.
- <http://xttm.agroviet.gov.vn/Site/vi-vn/76/tapchi/141/145/824/Default.aspx>
- <http://earthexplorer.usgs.gov/>
- Ngô Đình Quê. & Võ Đại Hải. (2012). *Xây dựng rừng phòng hộ ngập mặn ven biển thực trạng và giải pháp*. NXB Nông nghiệp.
- Nguyễn Hoàng Trí. (1999). *Sinh thái học rừng ngập mặn*. NXB Nông nghiệp.
- Nguyễn Ngọc Bình. (1999). *Trồng rừng ngập mặn*. NXB Nông nghiệp.
- Phan Hồng Lý. (2006). *Sự tác động kinh tế thị trường vào lễ hội tín ngưỡng*. Viện Khoa học Xã hội Việt Nam.
- Phan Nguyên Hồng. (2000). *Rừng ngập mặn Việt Nam*. NXB Nông nghiệp.